**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HỚN QUẢN**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 41 /2017/DS-ST.
Ngày 27 - 9 - 2017.
V/v: Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tân
2. Ông Lê Minh Dũng

**- Thư ký phiên tòa**: Ông Đỗ Đình Thuyên: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà**: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2017/TLST- DS, ngày 27 tháng 7 năm 2017; về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40A/2017/QĐXXST - DS, ngày 07 tháng 9 năm 2017; giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn**: Ngân hàng V
Cư ngụ: Tòa nhà CC5, khu Bán đảo L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T– Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng V.
- Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thái T– Chức vụ: phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng huyện H.

**- Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1963
Ông Trần Văn T, sinh năm: 1967
Cùng cư ngụ: ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa nguyên đơn đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T vắng mặt và bà S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Thái T trình bày*:

Ngày 20/10/2008, Ngân hàng V có cho gia đình bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T vay vốn chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền 16.600.000đ, lãi suất 0,5%/tháng. Đến ngày 10/3/2012 bà S, ông T đã trả được 4.300.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi 2.585.000đ. Sau đó đến ngày 19/4/2015 thì trả tiền lãi 500.000đ, số tiền còn nợ lại gốc 12.300.000đ, tiền lãi 1.927.000đ, thời hạn trả tiền ngày 19/7/2015 nhưng đến hạn vẫn không thanh toán. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T trả lại số tiền đã vay còn nợ lại 12.300.000đ ( mười hai triệu ba trăm ngàn đồng ) và số tiền lãi đến phiên Tòa ngày 27/9/2017 là 4.071.000đ ( bốn triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn đồng )

*Theo hồ sơ vụ án thì bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Thống nhất với Ngân hàng về nội dung khởi kiện : thời gian, thời hạn trả tiền cũng như số tiền đã vay còn nợ lại Ngân hàng là 12.300.000đ và tiền lãi yêu cầu 3.901.079đ ( ba triệu chín trăm lẻ một ngàn không trăm bảy mươi chín đồng ). Do gia đình khó khăn nên trước yêu cầu của Ngân hàng trả làm 01 lần thì bà S không chấp nhận và xin trả làm nhiều lần.

*Đối với bị đơn ông Trần Văn T:*

Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 79/TB-TLVA, ngày 27/7/2017, giấy triệu tập đến Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản để giải quyết vụ án nhưng ông T đều không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, cũng không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 83A/TB-TA, ngày 04/8/2017, thông báo kết quả phiên họp ngày 18/8/2017 cho ông T nhưng ông T cũng không có ý kiến.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản phát biểu ý kiến như sau: - Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự. - Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. - Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn

T trả số tiền 12.300.000đ và tiền lãi yêu cầu 4.071.000đ ( bốn triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn đồng ), tổng số tiền phải thanh toán là 16.371.000đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Bị đơn bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T có nơi cư trú tại huyện Hớn Quản; Ngân hàng V đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T trả số tiền 12.300.000đ và tiền lãi yêu cầu 4.071.000đ ( bốn triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn đồng ) đã vay nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa bà S vắng mặt có lý do, ông T vắng mặt không lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bà S, ông T theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 20/10/2008, Ngân hàng V có cho gia đình bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T vay vốn chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền 16.600.000đ, thời hạn trả ngày 19/7/2015 nhưng đến hạn thì bà S, ông T chỉ trả cho Ngân Hàng số tiền 4.300.000đ và tiền lãi 2.585.000đ. Qúa trình làm việc cũng như tại phiên Tòa Ngân hàng đều yêu cầu bà S, ông T phải trả số tiền vay còn nợ lại là 12.300.000đ và tiền lãi 4.071.000đ ( bốn triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn đồng ). Bà S không có mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2017 thì bà S cũng thừa nhận nội dụng như đơn khởi kiện của Ngân Hàng. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là "Tranh chấp hợp tín dụng" thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi được quy định tại Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận và buộc bà Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng số tiền 12.300.000đ và tiền lãi 4.071.000đ ( bốn triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn đồng ) ngày 20/10/2008 theo sổ vay vốn số 5000079658; tổng số tiền phải thanh toán là 16.371.000đ.

Do ông Trần Văn T có quan hệ với bà Nguyễn Thị S là vợ chồng và trong sổ vay vốn số 5000079658 ngày 20/10/2008 thì ông T ký tên là người thừa kế. Do đó, căn cứ vào Điều 27, 30 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà S cho Ngân hàng số tiền còn nợ lại 12.300.000đ và tiền lãi 4.071.000đ ( bốn triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn đồng ) ngày 20/10/2008 theo sổ vay vốn số 5000079658; tổng số tiền phải thanh toán là 16.371.000đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên cần buộc bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng;
- Điều 351; Điều 463, 466, 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 27, 30 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 26 Luật Thị hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng " của Ngân hàng V.

1. Buộc bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T trả số tiền 16.371.000đ ( mười sáu triệu ba trăm bảy mươi mốt ngàn đồng ) cho Ngân hàng V theo sổ vay vốn số 5000079658 ngày 20/10/2008. Trong đó tiền gốc vay còn nợ lại 12.300.000đ và tiền lãi 4.071.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày quyết định sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.Về án phí: bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 818.550đ( tám trăm mười tám ngàn năm trăm năm mươi đồng ).

3.Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng*

*chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Võ Văn Vân**